

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2013

VĂN PHÒNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5265
	Ngày: .. 01/7/2013 ..

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo hiểm tiền gửi ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, người được bảo hiểm tiền gửi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Điều 3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí. Nguồn thu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được miễn nộp các loại thuế.

3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được trích một phần nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để bù đắp chi phí. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định mức cụ thể được trích.

Điều 4. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân, bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tài chính vi mô phải tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với tiền gửi của cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô.

3. Ngân hàng chính sách không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 5. Tham gia bảo hiểm tiền gửi

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này phải tham gia bảo hiểm tiền gửi và niêm yết công khai bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính, chi nhánh và các điểm giao dịch có nhận tiền gửi của cá nhân.

Chương II HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 6. Cấp chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai trương hoạt động, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp đủ hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Luật bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 7. Cấp lại chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép phục hồi hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi và bản sao văn bản cho phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phục hồi hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

2. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bị mất, rách nát, hư hỏng được cấp lại trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp có sự thay đổi thông tin Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi và bản sao văn bản chứng minh sự thay đổi thông tin của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 8. Nguyên tắc cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, kịp thời và đầy đủ theo quy định.
2. Tổ chức được cung cấp thông tin có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin được cung cấp theo đúng quy định của pháp luật.
3. Việc cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Cung cấp thông tin của tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng nhà nước Việt Nam các thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật bảo hiểm tiền gửi.
2. Khi thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 10 Điều 13 Luật bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp:
 - a) Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng hoặc vi phạm các quy định về pháp luật ngân hàng khác;
 - b) Hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nguy cơ dẫn đến mất khả năng chi trả, thất thoát tài sản hoặc có tác động tiêu cực tới các tổ chức tín dụng khác.

Điều 10. Cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được tiếp cận dữ liệu thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 13 Luật bảo hiểm tiền gửi.

2. Các thông tin được tiếp cận từ dữ liệu thông tin của Ngân hàng Nhà nước cụ thể như sau:

a) Một số chỉ tiêu báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Báo cáo tài chính của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

c) Thông tin về việc cấp Giấy phép, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thông tin về việc tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

d) Thông tin về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

đ) Thông tin về việc kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng;

e) Các thông tin khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể về các nội dung thông tin, phương thức tiếp cận thông tin của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 11. Hỗ trợ tài chính đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi không đủ để trả tiền bảo hiểm

1. Trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc được vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tài chính:

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi gửi 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau đây đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc đề nghị Chính phủ bảo lãnh để vay từ tổ chức tín dụng, tổ chức khác do người có thẩm quyền của tổ chức bảo hiểm ký, trong đó nêu rõ số tiền cần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc cần Chính phủ bảo lãnh để vay từ tổ chức tín dụng, tổ chức khác; thời hạn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc thời hạn bảo lãnh vay và các nội dung cần thiết khác;